TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày: 13-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Kim Tuyến;

Ông Lý Văn H;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên;

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực 4, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm hồ; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1964; Vợ: PH Thị Ngọc Th, sinh năm 1994 (đã ly hôn); Con: có 02 con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 18/9/2018 đến nay, bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Minh H, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cầu N, xã Long HĐ, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phan Thị Ph, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 4, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 4, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ông Lê văn T1, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bảy Nhà A, xã Lại S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Ngô Văn B, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: xã Huỳnh L, huyện Huỳnh L, tỉnh Nghệ An.

- Ông Lê Văn P, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: xã An Ninh T, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã Thạnh L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

- Ông Lê Hữu A, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảy Nhà A, xã Lại S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong tiền bạc từ mối quan hệ đồng tính với anh Lê Minh H, nên vào khoảng 06 giờ ngày 14/9/2018, Nguyễn Văn T chuẩn bị một cái búa cán bằng gỗ dài 30cm, lưỡi búa bằng kim loại, kích thước 2.0cm x 3.0cm để nhằm mục đích gặp anh Lê Minh H đòi nợ và chiếm đoạt tài sản. T hỏi mượn của mẹ ruột tên Phạm Thị Ph xe mô tô biển số 37L-4660 điều khiển đi đến khu vực gần chân cầu "Hải Sơn" thuộc ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ hẹn anh H đi làm ngang qua để chặn anh H lại nói chuyện. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh H điều khiển xe mô tô biển số 62S2-6885 trên vai phải đeo túi xách đi ngang qua chỗ T đứng, T chặn xe anh H lại và dùng búa đe dọa thì anh H bỏ xe chạy bộ, T đuổi theo dùng tay phải giật túi xách trên vai anh H, T dừng lại mở túi xách ra lục tìm không có tài sản, nên T ném bỏ túi xách xuống đường và đi đến lấy xe mô tô của anh H. Lúc này, anh H thấy T không còn đuổi theo mình nữa nên quay lại lấy xe thì bị T dùng búa tiếp tục đe dọa đòi đánh làm anh H hoảng sợ bỏ xe lại chạy bộ lên cầu nên T lấy được xe của anh H. Sau khi chiếm đoạt xong tài sản của anh H, T điện thoại cho chị ruột tên Nguyễn Thị Thùy T gặp anh rể tên Lê Văn T, T kêu anh T1 đến chân cầu "Hải Sơn" nhờ chút việc, anh T1 thuận đường đi làm nên đồng ý và khoảng 05 phút sau, anh T1 điều khiển xe mô tô của mình chở chị Nguyễn Thị Thùy T và Lê Hữu A đến gần chân cầu Hải Sơn thì dừng lại, anh T1 giao xe cho Hữu A chở chị Trang đi làm. Do sợ bị trễ giờ làm nên anh T1 không hỏi lý do T nhờ mình chạy xe của T về dùm và anh T1 điều khiển xe mô biển số 37L-4660 của T đi, còn T điều khiển xe mô tô 62S2-6885 chiếm đoạt được của anh H đi, trên đường đi xe bị rớt biển số nên T về nhà gắn biển số giả 70M1-7546 vào dùng để làm phương tiện đi lại. Đến ngày 18/9/1018 cơ quan công an mời T làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 24/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: xe mô tô có số khung

RNGKCG2NG-81013301; số máy VUMYG150FMG-261301 trị giá 3.500.000đồng; 01 cặp da loại có dây đeo, trị giá 105.000đồng, tổng trị giá tài sản 3.605.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSĐH ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn T gây ra; căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Cướp tài sản"*.

Áp dụng khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về tang vật:

- Đối với 01 đôi dép màu xám nhãn hiệu AGROSF, xe mô tô hiệu SYM 100 màu xanh trắng, số khung RNGKCG2NG-81013301, biển số 70M1-7546; 01 cặp da loại có dây là tài sản hợp pháp của anh Lê Minh H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, sim số 0901254096 là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T không liên quan đến vụ án cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Văn T nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 prime, sim số 0933627461 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thi Thùy T không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trang nên không đề cập xử lý.

- Đối với xe mô tô hiệu Wangguan, màu xám, biển số 37L8-4660, số khung DG095LK-400594, số máy 1P50FMG-000400594 là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị P (mẹ của bị cáo T), bà P cho T mượn xe để làm phương tiện đi lại, T dùng xe đi cướp tài sản bà P không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho bà Phượng là có cơ sở.

- Đối với 01 biển số xe mô tô 70M1-7546, quá trình điều tra xác định biển số xe trên do anh Lê Văn Ph đứng tên. Sau khi mua xe anh Ph đăng ký và sử dụng xe đến nay nên biển số xe trên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đức Hòa thu giữ là biển số xe không hợp pháp nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01cái búa cán bằng gỗ dài 30cm, lưỡi búa bằng kim loại kích thước 12cm x 2.0cm x 3.0cm là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với biển số xe mô tô 62S2-6885 là vật chứng trong vụ án, bị cáo T trình bày sau khi cướp được tài sản trên đường tẩu thoát đã bị rớt mất, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên đề nghị tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Minh H đã nhận lại xe mô tô hiệu SYM màu trắng, số khung RNGKCG2NG-81013301; số máy VUMYG150FMG-261301; 01

cặp da loại có dây và không yêu cầu bị can bồi thường giá trị biển số xe nên không đề cập xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đánh giá về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đối với các ông, bà: Lê Minh H (là bị hại đã nhận lại tài sản), bà Phạm Thị P, Ngô Văn B, Lê Văn P, Huỳnh Văn C, Lê Hữu A là những người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 BLTTHS năm 2015.

[3].Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

[3.1]. Hành vi khách quan của bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện:

Do có mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm đồng tính và nợ tiền với nhau nên khoảng 06 giờ ngày 14/9/2018, Nguyễn Văn T chuẩn bị một cái búa cán bằng gỗ dài 30cm, lưỡi búa bằng kim loại, kích thước 2.0cm x 3.0cm và điều khiển xe mô tô biển số 37L-4660 đi đến khu vực gần chân cầu "Hải Sơn" thuộc ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đ, tỉnh L nhằm mục đích đợi anh H đi làm ngang qua chặn đường chiếm đoạt tài sản. Khi anh H điều khiển xe mô tô biển số 62S2-6885 trên vai phải đeo túi xách đi ngang qua chỗ T, T chặn xe anh H lại dùng búa uy hiếp, hăm dọa chiếm đoạt tài sản thì anh H bỏ xe chạy bộ, T đuổi theo dùng tay phải giật túi xách trên vai anh H nhưng không có tài sản nên T vứt bỏ túi xách xuống đường và đi đến lấy xe của anh H. Khi anh H quay lại lấy xe thì bị T tiếp tục dùng búa đe dọa sẽ đánh H làm anh H hoảng sợ bỏ xe lại chạy bộ lên cầu lẫn tránh, T chiếm đoạt được xe của anh H. Đến ngày 18/9/1018 cơ quan công an mời T làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại ông Lê Minh H; phù hợp lời trình bày của những người làm chứng về thời

gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi, đúng về đặc điểm tài sản chiếm đoạt; phù hợp với các chứng cứ khách quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp nội dung cáo trạng.

[3.2]. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hành vi dùng búa hăm dọa để chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho ông H sợ và tin rằng nếu không để cho bị cáo T lấy tài sản sẽ nguy hại đến tính mạng, sức khỏe; hành vi dùng hung khí là cây búa uy hiếp làm ông H lâm vào tình trạng không thể chống cự được, hậu quả từ hành vi trên bị cáo T đã chiếm đoạt xe mô tô và 01 cặp da của ông H, tài sản có tổng trị giá 3.605.000đồng. Từ đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "*Cướp tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông Lê Minh H. Khi thực hiện hành vi bị cáo Nguyễn Văn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi trái pháp luật bị cáo Nguyễn Văn T cần xử lý nghiêm và cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4].Đánh giá về tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết định khung: Hành vi bị cáo Nguyễn Văn T không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng khác của Điều 168 BLHS năm 2015 nên bị xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng khác theo qui định tại Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra thành thật khai báo, có ý thức ăn năn; bị cáo có gia cảnh khó khăn đang nuôi hai con nhỏ, vợ đã ly hôn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[5].Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Minh H đã nhận lại xe mô tô hiệu SYM màu trắng, số khung RNGKCG2NG-81013301; số máy VUMYG150FMG-261301; 01 cặp da loại có dây và không yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị biển số xe nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[6].Về tang vật: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đối với 01 đôi dép màu xám nhãn hiệu AGROSF, xe mô tô hiệu SYM 100 màu xanh trắng, số khung RNGKCG2NG-81013301, biển số 70M1-7546; 01 cặp da loại có dây là tài sản hợp pháp của anh Lê Minh H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H là có căn cứ nên không đề cập giải quyết lại.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, sim số 0901254096 là tài sản hợp pháp của bị cáo T không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T là phù hợp, không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 prime, sim số 0933627461 là tài sản của chị Nguyễn Thị Thùy T không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trang là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

- Đối với xe mô tô hiệu Wangguan, màu xám, biển số 37L8-4660, số khung DG095LK-400594, số máy 1P50FMG-000400594 là tài sản của bà Phạm Thị P (mẹ của bị cáo T) bà P cho bị cáo T mượn xe để làm phương tiện đi lại, T dùng xe đi cướp tài sản bà P không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho bà P là phù hợp, không đề cập giải quyết

- Đối với 01 biển số xe mô tô 70M1-7546, quá trình điều tra xác định biển số xe trên do anh Lê Văn Ph đứng tên. Sau khi mua xe anh Ph đăng ký và sử dụng xe đến nay, biển số xe cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đức Hòa thu giữ là biển số xe không hợp pháp nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với biển số xe mô tô 62S2-6885, bị cáo T trình bày sau khi cướp được tài sản trên đường tẩu thoát đã bị mất, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01cái búa cán bằng gỗ dài 30cm, lưỡi búa bằng kim loại kích thước 12cm x 2.0cm x 3.0cm là công cụ bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với ông Lê Văn T1, anh Lê Hữu A, bà Nguyễn Thị Thùy T sau khi bị can Nguyễn Văn T thực hiện xong hành vi cướp tài sản thì T nhờ ông T1 đến lấy xe của T về dùm và khi đi ông T1 còn chở anh Hữu A và bà T cùng đi, nhưng ông T1, anh Hữu A, bà T không biết việc T đi cướp tài sản nên không đồng phạm với bị cáo T và không xem xét xử lý hành vi là phù hợp.

Đối với ông Ngô Văn B là người đứng tên xe mô tô biển số 37L8-4660, quá trình điều tra xác định ông B đã bán xe mô tô nêu trên cho bà P năm 2016 nên ông B không còn nghĩa vụ gì đối với xe mô tô biển số 37L8-4660, cơ quan điều tra xác định ông B không còn quyền lợi gì, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Huỳnh Văn C là người đứng tên xe mô tô biển số 62S2-6885, quá trình điều tra xác định ông C đã bán xe mô tô nêu trên cho ông H năm 2016 nên ông C không còn nghĩa vụ gì đối với xe mô tô biển số 62S2-6885, cơ quan điều tra xác định ông C không còn quyền lợi gì, không đề cập xử lý là phù hợp.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí HSST sung Ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, BLHS năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Cướp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **07 (bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2018.

2.Về tạm giam: Áp dụng Điều 329 BLTTHS. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 ngày (kể từ ngày 13/3/2019) để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Về tang vật: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy một biển số xe mô tô số sd70M1-7546;

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái búa cán bằng gỗ dài 30cm, lưỡi búa bằng kim loại kích thước 12cm x 2.0cm x 3.0cm.

Các tang vật trên hiện do chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2019.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000đồng án phí HSST sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THADS huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.